

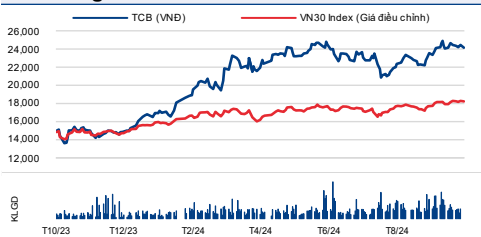
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ28,250
Tiềm năng tăng/giảm: 17.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2024)	24,150
Mã Bloomberg	TCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,432-24,900
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,317
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	170,137
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,723
Sig CP lưu hành (tr.đv)	7,045
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	792
Sig CP NN được mua (tr.đv)	9.26
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.5%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.2%
Tỷ lệ freefloat	60.0%
Cổ đông lớn	nh và người liên quan (19.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	849	938	1,042
Dư nợ cho vay (ntđ)	519	597	686
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	40.1	49.0	57.2
Lợi nhuận thuần (ntđ)	18.0	22.9	27.1
BVPS (đồng)	18,497	20,916	24,005
EPS (đồng)	2,556	3,254	3,845
DPS (đồng)	-	750	750
T.trưởng cho vay KH (%)	23.3	15.0	15.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(1.15)	22.3	16.7
Tăng trưởng EPS (%)	(10.9)	27.3	18.2
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	23.0	19.5
ROAE (%)	14.8	16.5	17.1
ROAA (%)	2.33	2.56	2.74
Tỷ lệ NIM (%)	4.14	4.45	4.74
Tỷ lệ CIR (%)	33.1	31.1	30.9
Hệ số CAR (%)	14.4	13.4	13.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.16	1.20	1.00
LLR/nợ xấu (%)	102	104	116
Hệ số LDR (%)	114	115	116
P/B (lần)	1.31	1.15	1.01
P/E (lần)	9.45	7.42	6.28
Lợi suất cổ tức (%)	-	3.11	3.11

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Một trong những ngân hàng dẫn đầu & tập trung vào lĩnh vực cho vay BĐS. Hiện tại TCB có chỉ số CAR, ROA, CASA thuộc nhóm cao nhất ngành.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2024: Tăng trưởng vững chắc nhưng đà tăng chậm lại

- TCB công bố KQKD Q3/2024 khả quan với LNTT đạt 7,2 nghìn tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước.
- Tín dụng tăng trưởng cao và ổn định (tăng 4,1% so với quý trước và tăng 17,6% kể từ đầu năm), tuy nhiên cả tỷ lệ NIM (giảm 37 điểm cơ bản so với quý trước và đi ngang so với cùng kỳ) và thu nhập ngoài lãi (giảm 10% so với cùng kỳ) đều giảm. Chất lượng tài sản duy trì ổn định với tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao nợ xấu LLR lần lượt ở mức 1,29% và 103,5%.
- TCB sẽ chi trả khoản bồi thường 1,8 nghìn tỷ đồng cho Manulife, dự kiến ghi nhận vào chi phí hoạt động Q4, nhưng hoạt động bancassurance dự kiến sẽ sớm khôi phục.
- HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Cập nhật KQKD Q3/2024 và chia sẻ của BLĐ

TCB công bố KQKD Q3/2024 khả quan với LNTT đạt 7,2 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 8% so với quý trước). Các điểm nổi bật bao gồm tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ nhưng tỷ lệ NIM và thu nhập ngoài lãi giảm, trong khi chất lượng tài sản vẫn ổn định. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 22,8 nghìn tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ), hoàn thành 79% dự báo cả năm của chúng tôi. BLĐ cũng cập nhật về triển vọng Q4 và năm 2025 và chiến lược của TCB đối với mảng kinh doanh bảo hiểm.

Thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh nhờ tín dụng mở rộng

Thu nhập lãi thuần tăng 23% so với cùng kỳ nhưng giảm 6% so với quý trước đạt 8,9 nghìn tỷ đồng. Điều này phản ánh đà tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ nhưng chịu áp lực từ tỷ lệ NIM trong Q3/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, TCB

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ	% 2024F của HSC
Thu nhập lãi thuần	7,272	8,929	23%	20,094	26,906	34%	78%
Thu nhập ngoài lãi	3,146	2,826	-10%	8,950	10,530	18%	73%
Lãi thuần	2,256	1,947	-14%	6,219	6,579	6%	66%
HĐ dịch vụ							
Lãi thuần							
HĐKD	124	61	-51%	(117)	1,017	N/a	102%
ngoại hối							
Lãi thuần							
mua bán	629	389	-38%	711	2,189	208%	113%
trái phiếu							
Thu nhập khác	138	429	212%	2,137	745	-65%	51%
Tổng thu nhập HĐ	10,418	11,754	13%	29,044	37,436	29%	76%
Chi phí HĐ	(3,631)	(3,431)	-6%	(9,642)	(10,629)	10%	70%
Lợi nhuận							
HĐ trước	6,788	8,323	23%	19,402	26,807	38%	79%
trích lập dự phòng							
Dự phòng	(945)	(1,109)	17%	(2,287)	(3,964)	73%	83%
LNTT	5,843	7,214	23%	17,115	22,842	33%	79%
Lợi nhuận thuần	4,613	5,738	24%	13,565	18,152	34%	79%

Nguồn: TCB, HSC

Tín dụng tăng 17,6% kể từ đầu năm: Dư nợ tín dụng của TCB tăng 4,1% so với quý trước và tăng 25,9% so với cùng kỳ, với động lực tăng trưởng chủ yếu từ cho vay khách hàng – tăng 5,8% so với quý trước và tăng 20,8% kể từ đầu năm. Trái lại, TPDN nắm giữ sụt giảm mạnh 19,5% so với quý trước và giảm 21,7% kể từ đầu năm, cho thấy xu hướng giảm mức độ đầu tư vào phân khúc này.

Danh mục cho vay bán lẻ tăng 6% so với quý trước, gấp đôi tốc độ tăng trưởng danh mục cho vay doanh nghiệp (tăng 3% so với quý trước), chủ yếu nhờ cho vay mua nhà. Sản phẩm này tăng 7% so với quý trước và hiện chiếm 73% dư nợ cho vay khách hàng cá nhân. Đối với danh mục cho vay doanh nghiệp, tín dụng cho lĩnh vực BĐS đi ngang so với quý trước nhưng vẫn chiếm 58% dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp, giảm từ 62% trong Q2/2023, cho thấy nỗ lực đa dạng hóa dần dần của TCB.

Giải ngân cho vay mua nhà Q3/2024 đạt 28 nghìn tỷ đồng, giảm từ 31 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024, nhưng vẫn duy trì ở mức cao mặc dù có ảnh hưởng một phần của hiệu ứng mùa vụ. Đáng chú ý tỷ lệ tất toán trước hạn đối với các khoản vay mua nhà đã giảm xuống so với 5 quý gần đây, điều này có thể được xem là một chỉ báo tích cực cho thấy sự hồi phục của thị trường BĐS, đặc biệt là ở ở khu vực miền Bắc và phân khúc cao tầng.

Tỷ lệ NIM giảm 37 điểm cơ bản so với quý trước xuống 4,4% trong Q3 do lợi suất gộp giảm 25 điểm cơ bản (trái với dự báo của chúng tôi là đi ngang) và chi phí huy động tăng 12 điểm cơ bản, phù hợp dự đoán.

Số dư tài khoản thanh toán duy trì ổn định ở mức khoảng 180 nghìn tỷ đồng trong 4 quý liên tiếp, dẫn đến tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn CASA 'cơ bản' giảm xuống 36,5% từ 40% cuối năm 2023 và 37,4% trong Q2/2024. Tuy nhiên, số dư sản phẩm Sinh lời Tự động tăng mạnh 37% so với quý trước đạt 19 nghìn tỷ đồng. Nếu bao gồm số dư này, tổng tiền gửi không kỳ hạn tăng 5,4% so với quý trước và tăng 21,9% kể từ đầu năm, nâng tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn gộp lên 40,5%, cho thấy sự cải thiện nhẹ so với đầu năm. Cần lưu ý rằng sản phẩm Sinh lời Tự động có chi phí cao hơn tài khoản thanh toán hoặc tiền gửi không kì hạn thông thường.

Thu nhập ngoài lãi suy yếu trong giai đoạn khó khăn

Tổng thu nhập ngoài lãi giảm 10% so với cùng kỳ và giảm 28% so với quý trước trong Q3, đạt 2,8 nghìn tỷ đồng với sự suy giảm trên nhiều mảng, bao gồm lãi thuần HĐ dịch vụ (giảm 13,7% so với cùng kỳ), lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối (giảm 51% so với cùng kỳ) và lãi mua bán trái phiếu (giảm 38% so với cùng kỳ).

Đáng chú ý, thu nhập từ HĐ dịch vụ giảm 21% so với quý trước do hai yếu tố chính: 1) mức nền cao trong Q2/2024 do ghi nhận một số khoản thu nhập không thường xuyên và 2) tác động của các thay đổi trong quy định pháp lý và chiến lược của TCB ở mảng bancassurance và LC (tài trợ thương mại).

Thông tin mới về mảng bảo hiểm

Bảo hiểm nhân thọ: TCB và Manulife đã kết thúc hợp đồng hợp tác độc quyền phân phối bảo hiểm vào ngày 7/10/2024 do những thay đổi về điều kiện thị trường & quy định pháp lý. Tác động tài chính bao gồm 1,8 nghìn tỷ đồng tiền bồi thường cho Manulife, dự kiến ghi nhận vào chi phí hoạt động Q4/2024, và việc tạm thời ngừng hoạt động phân phối bảo hiểm cho đến khi TCB chuyển sang các thỏa thuận phân phối bảo hiểm mới (ngắn hạn, không độc quyền). TCB đang thay đổi chiến lược bancassurance, hướng tới dự tham gia toàn diện từ đầu đến cuối, tập trung nâng cao trải nghiệm của khách hàng khi giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Dù có khả năng thiết lập hợp tác với các đối tác mới, chi tiết về các hợp tác trong tương lai hiện vẫn chưa được quyết định.

Bảo hiểm phi nhân thọ: TCB nắm giữ 11% cổ phần trong CTCP Bảo hiểm phi nhân thọ Techcom mới thành lập và tận dụng thương hiệu của mình trong mối quan hệ đối tác này. Ngân hàng sẽ tham gia ở một mức độ nhất định vào khâu phát triển các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, thay vì chỉ phân phối.

Điều này cho thấy cách tiếp cận chủ động và toàn diện hơn trong khuôn khổ hợp tác này.

Chất lượng tài sản nhìn chung vẫn ổn định

Chất lượng tài sản nhìn chung vẫn ổn định với số dư nợ xấu tăng 10,9% so với quý trước lên 8,1 nghìn tỷ đồng. Nợ xấu mới hình thành là 1 nghìn tỷ đồng (bằng 0,16% dư nợ cho vay bình quân), tăng nhanh hơn nợ xấu hồi phục và được xử lý ở mức 207 tỷ đồng (bằng 0,08% dư nợ cho vay bình quân). Kết quả là, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ lên 1,29% từ 1,23% tại thời điểm cuối Q2/2024, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giữ nguyên ở mức 0,82%. Hệ số LLR ổn định ở mức 103,5%.

Chi phí dự phòng Q3/2024 là 1,1 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ nhưng giảm 33% so với quý trước, sau khi tăng mạnh trong Q2/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ chi phí tín dụng là 0,92%, phù hợp với kế hoạch cả năm của BLĐ là dưới 1% và sát với dự báo của chúng tôi. Ngoài ra, lãi dự thu vẫn ổn định so với quý trước ở mức 1,7% tổng tài sản sinh lãi, tiếp tục cho thấy chất lượng tài sản và lợi nhuận ổn định trong Q3/2024.

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

Sau KQKD Q3/2024 của TCB và sự thay đổi chiến lược trong mảng kinh doanh bảo hiểm, HSC đang xem xét lại dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị. Cổ phiếu TCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 1,16 lần và P/E dự phóng năm 2024 là 7,4 lần, thấp hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân lần lượt ở mức 1,25 lần và 7,8 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	44.8	56.7	60.2	70.7	82.3
Chi phí lãi	(14.5)	(29.0)	(25.6)	(29.6)	(34.0)
Thu nhập lãi thuần	30.3	27.7	34.6	41.1	48.3
Lãi thuần HĐ dịch vụ	8.15	8.71	9.96	12.0	14.4
Lãi thuần HĐ KDNH	(0.28)	0.20	1.00	0.50	0.50
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.18	0.99	1.93	1.57	1.74
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.03	0.04	0.04	0.04
Thu nhập khác	2.17	2.43	1.46	1.90	2.09
Tổng thu nhập HĐ	40.5	40.1	49.0	57.2	67.1
Chi phí HĐ	(13.0)	(13.3)	(15.2)	(17.7)	(20.5)
LN trước dự phòng	27.5	26.8	33.8	39.5	46.6
Chi phí dự phòng	(1.94)	(3.92)	(4.76)	(5.15)	(5.93)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	25.6	22.9	29.0	34.3	40.6
Chi phí thuế TNDN	(5.13)	(4.70)	(5.80)	(6.86)	(8.12)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.29)	(0.19)	(0.28)	(0.36)	(0.44)
Lợi nhuận thuần	20.2	18.0	22.9	27.1	32.1
EPS (đồng)	2,868	2,556	3,254	3,845	4,551
DPS (đồng)	-	-	750	750	750
Sig CP bình quân (triệu đv)	7,026	7,045	7,045	7,045	7,045
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	7,034	7,045	7,045	7,045	7,045
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,034	7,045	7,045	7,045	7,045

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	4.22	3.62	6.69	6.31	7.45
Tiền gửi tại NHNN	11.5	27.1	15.5	17.7	20.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	82.9	104	104	93.7	84.3
Chứng khoán kinh doanh	0.96	4.43	3.02	2.05	1.40
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.14	0	0	0
Số dư cho vay thuần	416	513	589	678	780
Tổng dư nợ cho vay	421	519	597	686	789
Dự phòng rủi ro	(4.77)	(6.13)	(7.42)	(7.97)	(9.17)
Chứng khoán đầu tư	104	105	119	133	149
CK đầu tư sẵn sàng để bán	104	105	119	133	150
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.38)	(0.36)	(0.36)	(0.36)	(0.36)
Đầu tư dài hạn	0.01	3.05	3.05	3.05	3.05
Tài sản cố định	9.46	8.89	9.78	10.8	11.8
Tài sản khác	70.5	80.5	88.6	97.5	107
Tổng tài sản	699	849	938	1,042	1,164
Nợ phải trả	586	718	789	871	966
Tiền gửi của NHNN	0.01	0.00	0	0	0
Tiền gửi của các TCTD khác	168	153	150	152	156
Tổng tiền gửi KH	358	455	518	591	674
Trái phiếu và CCTG	34.0	84.7	93.2	97.8	103
Nợ khác	23.8	25.3	27.8	30.6	33.7
Vốn chủ sở hữu	112	130	147	169	196
Vốn điều lệ	35.2	35.2	35.2	35.2	35.2
Thặng dư vốn cổ phần	0.48	0.48	0.48	0.48	0.48
Lợi nhuận giữ lại	64.5	48.3	63.1	80.6	102
Quỹ & vốn khác của CSH	12.2	46.3	48.6	52.8	57.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.13	1.32	1.60	1.96	2.40
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	699	849	938	1,042	1,164
BVPS (đồng)	15,964	18,497	20,916	24,005	27,799

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	22.9	21.5	10.5	11.0	11.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	21.1	23.3	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.9	26.9	14.0	14.0	14.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.6	37.4	13.4	12.6	12.7
Tăng trưởng VCSH (%)	21.8	16.0	13.1	14.8	15.8
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	13.5	(8.58)	24.9	18.9	17.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	16.6	1.76	14.8	16.2	16.1
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	6.18	(2.53)	25.9	16.9	18.0
Tăng trưởng LNTT (%)	10.0	(10.5)	26.7	18.3	18.4
Tăng trưởng LN thuần (%)	11.6	(10.7)	27.3	18.2	18.4
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	6.39	5.17	5.48	5.77	6.08
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.05)	(1.71)	(1.70)	(1.79)	(1.86)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	89.0	86.5	86.9	87.7	87.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	3.28	3.45	4.13	4.73	5.44
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	66.7	59.6	75.9	89.7	106
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.42	9.45	7.42	6.28	5.31
P/B (lần)	1.51	1.31	1.15	1.01	0.87
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	3.11	3.11	3.11
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.7	44.9	46.8	47.4	47.8
ROAA (%)	3.18	2.33	2.56	2.74	2.91
ROAE (%)	19.7	14.8	16.5	17.1	17.6
Chi phí huy động BQ (%)	2.83	4.63	3.52	3.69	3.83
Lợi suất góp BQ (%)	7.93	8.47	7.75	8.14	8.48
Lợi suất thuần (%)	5.10	3.84	4.23	4.45	4.65
Tỷ lệ NIM (%)	5.37	4.14	4.45	4.74	4.98
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	20.1	21.8	20.3	21.0	21.5
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	74.7	69.1	70.6	72.0	72.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	25.3	30.9	29.4	28.0	28.0
Tỷ lệ CIR (%)	32.1	33.1	31.1	30.9	30.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	23.0	19.5	16.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.2	14.4	13.4	13.8	14.4
VCSH/Tổng TS (%)	16.1	15.3	15.7	16.2	16.8
Đòn bẩy vốn (lần)	6.22	6.52	6.37	6.16	5.95
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.72	1.16	1.20	1.00	1.00
Hệ số LLR (%)	157	102	104	116	116
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	114	115	116	117
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	29.9	22.1	19.7	18.0	16.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	60.2	61.1	63.6	65.8	67.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	302	302	302	302	302
Số lượng nhân viên	12,339	11,614	11,846	12,083	12,325

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn